

BẢO ĐẢM QUYỀN HỌC TẬP CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN - CƠ SỞ QUAN TRỌNG ĐỂ THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

★ ThS ĐÀO THỊ TÙNG

Học viện Chính trị khu vực III

● **Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁽¹⁾, nếu không có kiến thức thì không thể bình đẳng với các dân tộc khác được. Trong nhiều năm qua, thực hiện nguyên tắc: “Bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc và giúp nhau cùng phát triển”, giáo dục vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm nhằm xóa dần khoảng cách chênh lệch về giáo dục giữa vùng dân tộc thiểu số với các vùng khác. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc ở Tây Nguyên. Bài viết làm rõ thực trạng và đề xuất một số giải pháp bảo đảm quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay.

● **Từ khóa:** quyền học tập, dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 54.638,4 km² (chiếm 16,8% diện tích cả nước). Tính đến ngày 1-4-2019, dân số Tây Nguyên có 5.842.681 triệu người (chiếm 6,1% dân số cả nước) với 47/54 dân tộc sinh sống tại 5 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) có 2.199.955 triệu người (chiếm 37,7%). Địa bàn Tây Nguyên nằm có địa hình hiểm trở, mạng lưới sông suối dày, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân bố không tập trung, nên đời sống và việc học tập của người DTTS ở Tây Nguyên gặp nhiều

khó khăn, được xem là một trong những nhóm dễ bị tổn thương, đặt ra yêu cầu quyền học tập của họ cần được quan tâm đặc biệt.

1. Thực trạng việc bảo đảm quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay

Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển, từng bước đưa đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên khắc phục khó khăn, vươn lên hòa nhập vào sự phát triển chung của đất nước, thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục DTTS gắn

với phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên: Nghị quyết số 04 ngày 14-1-1993 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 29 ngày 4-11-2013 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; văn kiện các kỳ Đại hội của Đảng đều xác định: phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục, đào tạo là đầu tư cho phát triển; ưu tiên đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS. Thể chế hóa các quan điểm của Đảng, Hiến pháp năm 2013, Luật Giáo dục, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Dạy nghề, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi... đều có các quy định để bảo đảm quyền được học tập của người DTTS. Nhà nước còn ban hành nhiều chính sách, quy định nhằm bảo đảm quyền học tập của người DTTS như chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; các chính sách đối với trẻ em và học sinh mẫu giáo, giáo viên mầm non; chính sách ưu tiên cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, dự bị đại học, các trường chuyên nghiệp đối với học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT); chính sách khuyến khích nhà giáo dạy học ở các vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS; chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với các dân tộc rất ít người... Bên cạnh chính sách quốc gia có phạm vi, hiệu lực trên toàn quốc (trong đó có đối tượng điều chỉnh trên địa bàn Tây Nguyên), Đảng và Nhà nước ta còn ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục, đào tạo dành riêng cho Tây Nguyên: Nghị quyết 10 ngày 18-1-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010; Quyết định số 1951 ngày 1-11-2011 của Thủ tướng Chính phủ về

phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và các huyện miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên... Ngoài các chính sách hỗ trợ của Trung ương, chính quyền địa phương các tỉnh Tây Nguyên cũng ban hành các chính sách hỗ trợ riêng của mình nhằm đảm bảo quyền học tập của người DTTS⁽²⁾.

Những kết quả đạt được

Các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục dân tộc đã được các địa phương ở Tây Nguyên tổ chức triển khai thực hiện khá nghiêm túc, kịp thời; vì vậy, thời gian qua mặc dù còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng sự nghiệp giáo dục dân tộc Tây Nguyên đã thu được nhiều kết quả quan trọng, quyền học tập của người DTTS ngày càng được đảm bảo, cụ thể như:

Trong vùng DTTS, nhận thức về giáo dục ngày càng chuyển biến rõ nét. Với phương châm có dân sinh là có trường lớp, đến nay phần lớn các thôn, buôn, làng, các xã ở các tỉnh Tây Nguyên đều có nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở thu hút ngày càng đông các cháu trong độ tuổi đến trường. Phần lớn các trường học ở vùng đồng bào DTTS tại chỗ đều được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, không còn tranh tre, nứa lá, số trường tiểu học tổ chức học 2 buổi/ngày ngày càng tăng lên. Riêng về hệ thống các trường PTDTNT vùng Tây Nguyên những năm gần đây đang từng bước được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang và không ngừng củng cố, mở rộng, phát triển về quy mô phục vụ yêu cầu dạy và học cho học sinh DTTS. Giai đoạn 2011-2017, các địa phương trong vùng đã chủ động quy hoạch mạng lưới trường PTDTNT nhằm đáp ứng nhu cầu tạo nguồn đào tạo nhân lực người DTTS, đã phủ kín trường PTDTNT đối với các huyện có từ 10 nghìn người DTTS trở lên. Năm học 2016-2017, vùng Tây nguyên có 59 trường PTDTNT (tăng 15 trường so với năm học 2011-2012), trong đó 6



Sinh viên Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum _ Ảnh: baogialai.com.vn

trường cấp tỉnh và 53 trường cấp huyện. Tổng số học sinh PTDTNT vùng Tây Nguyên năm học 2016-2017 là 14.454 học sinh (trong đó cấp tỉnh là 3.249 học sinh và cấp huyện là 11.205 học sinh). Tỷ lệ học sinh học trường PTDTNT so với học sinh DTTS cấp trung học của vùng là 7,23% (tăng 0,57% so với năm học 2010-2011)^[9].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho con em đồng bào DTTS ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa đến trường, các tỉnh Tây Nguyên cũng chú trọng phát triển về quy mô, mạng lưới trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT). Nếu năm học 2012 -2013, toàn vùng có 5 tỉnh có trường PTDTBT, gồm 81 trường và 10.682 học sinh bán trú, thì đến năm học 2016-2017, toàn vùng có 97 trường và 12.753 học sinh bán trú. Ngoài việc thực hiện giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông, các trường còn tích cực tổ chức các nội dung giáo dục đặc thù để hướng học sinh DTTS vào các hoạt động hỗ trợ nhằm phục vụ tốt cho việc nâng

cao chất lượng học tập. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh được thực hiện khá tốt; về cơ bản, các trường PTDTBT đều bảo đảm được chỗ ăn, ngủ và sinh hoạt an toàn, tiện lợi cho các em. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục của trường PTDTBT ngày càng được nâng lên. Năm học 2016-2017, số học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt 98,9%; cấp trung học cơ sở 92%; số học sinh đạt thành tích từ cấp huyện trở lên chiếm 3% ở cả 2 cấp học; số trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp tiểu học là 5 trường, cấp trung học cơ sở 1 trường. Kết quả này đã khẳng định chất lượng giáo dục của các trường PTDTBT ở vùng Tây Nguyên đã đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt, mặt bằng chất lượng có thể đạt ngang bằng với các trường có điều kiện thuận lợi của vùng^[10]. Sự phát triển ổn định về quy mô, số lượng và nâng cao chất lượng đã khẳng định được vai trò to lớn của hệ thống trường PTDTBT trong việc huy động tối đa học sinh tiểu học và trung học cơ sở trong độ tuổi tới

trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; góp phần quan trọng vào việc củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS ở Tây Nguyên.

Các tỉnh Tây Nguyên cũng phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, biên soạn nhiều tài liệu, sách giáo khoa thực nghiệm... bằng tiếng DTTS (tiếng nói, chữ viết của người DTTS có đông dân số nhất ở từng địa phương) đưa vào giảng dạy ở các trường tiểu học tại các vùng đồng bào DTTS tại chỗ, các trường PTDNT. Tính đến năm học 2016-2017, toàn vùng Tây Nguyên có 107 trường, 626 lớp, với 14.964 học sinh học tiếng Ê Đê; 84 trường, 392 lớp với 8.726 học sinh học tiếng Jrai; 26 trường, 68 lớp với 1.991 học sinh học tiếng Bana. Từ đầu năm học 2018-2019 đến nay, tỉnh Đắk Lắk đã cấp sách giáo khoa mới tiếng Ê Đê miễn phí cho 13.170 học sinh dân tộc Ê Đê thuộc 3 khối lớp 3,4,5 và 133 giáo viên dạy tiếng dân tộc Ê Đê ở 106 trường tiểu học trên địa bàn. Các tỉnh Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng cũng đã trích ngân sách địa phương hàng trăm tỷ đồng để in sách giáo khoa bằng tiếng DTTS tại chỗ, sách bài tập, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ tốt yêu cầu dạy và học⁽⁵⁾. Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc và bồi dưỡng phương pháp dạy học tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai cho học sinh DTTS được các cơ sở giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên triển khai tích cực theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dạy học, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên.

Giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học cũng được phát triển mạnh. Đến nay, vùng Tây Nguyên có 5 trường đại học, 4 phân hiệu/cơ sở

của các trường Đại học và 9 trường cao đẳng. Với quy mô sinh viên chính quy tại các trường trên địa bàn của vùng năm học 2016-2017 là 31.386 sinh viên, chiếm 1,77% tổng số sinh viên cả nước (trong đó sinh viên đại học là 19.980 và cao đẳng là 11.406), tỷ lệ sinh viên người DTTS đạt từ 18% -20% trở lên trong tổng số sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trong vùng⁽⁶⁾.

Một trong những chính sách phát triển giáo dục dân tộc là thực hiện chế độ cử tuyển học sinh dân tộc tốt nghiệp trung học phổ thông vào theo học tại các trường đại học, cao đẳng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh dân tộc được tiếp cận giáo dục trình độ cao và tạo nguồn cán bộ DTTS tương lai. Trong những năm qua đã có hàng nghìn con em đồng bào dân tộc Tây Nguyên được cử tuyển vào học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp trong vùng và trên cả nước.

Công tác xóa mù chữ cho người DTTS được các địa phương quan tâm. Kết quả trong 5 năm học (2012-2017), các tỉnh đã huy động số lượng học viên ra học các lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ là 7.140 người.

Các tỉnh Tây Nguyên thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh DTTS như cấp miễn phí sách giáo khoa, vở học sinh, đồ dùng học tập, bảo hiểm y tế, cấp học bổng, tín dụng cho học sinh, sinh viên, ưu tiên trong tuyển sinh, đào tạo theo địa chỉ sử dụng... Nhờ các chính sách hỗ trợ nên đã tạo điều kiện cho nhiều con em đồng bào DTTS được học tập, góp phần tăng tỷ lệ các em đến trường. Con em các dân tộc đều có người học đại học, cao đẳng và các trường dạy nghề. Nhiều em đã có những nỗ lực và đạt thành tích cao trong học tập, qua đó đã bổ sung thêm một nguồn lực được đào tạo cơ bản phục vụ cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào DTTS.

Những khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc bảo đảm quyền học tập của người DTTS ở Tây Nguyên hiện nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, cụ thể như:

Nhìn chung, mặt bằng giáo dục, trình độ dân trí của đồng bào các DTTS vẫn còn có khoảng cách khá xa so với mặt bằng chung cả nước. Chất lượng học tập của học sinh DTTS trên địa bàn Tây Nguyên còn thấp, còn có sự chênh lệch lớn về giáo dục giữa học sinh người DTTS và học sinh người Kinh. Ở nhiều vùng sâu, vùng xa, khoảng cách từ nhà đến trường học còn lớn, nhiều hộ đồng bào dân tộc còn thói quen đưa con đi rẫy, chưa quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con cái và bản thân họ. Theo số liệu tổng điều tra dân số ngày 1-4-2019, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long là các vùng có tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học nhưng không đi học cao nhất cả nước, tỷ lệ của mỗi vùng là 13,3% (toàn quốc 8,3%). Hiện nay, tỷ lệ biết chữ trong các độ tuổi của các tỉnh Tây Nguyên còn thấp hơn mặt bằng chung của toàn quốc. Tổng số người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 của các tỉnh Tây Nguyên là 535.005 người, chiếm 18% tỷ lệ người mù chữ trong toàn quốc (2.892.106 người).

Cơ sở vật chất trường lớp và trang thiết bị dạy học đối với giáo dục mầm non còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động trẻ đến trường. Tỷ lệ phòng bán kiên cố còn chiếm quá nửa tổng số phòng học, có 19,7% phòng học chưa đạt chuẩn, 5,08% phòng học tạm (trong khi đó bình quân chung toàn quốc, số phòng học chưa đạt chuẩn tỷ lệ là 10,7%, phòng học tạm tỷ lệ là 3,7%), còn nhiều điểm trường nhỏ lẻ, phân tán. Tỷ lệ nhập học ở bậc mẫu giáo thấp, chỉ đạt 33%, bằng 2/3 mức trung bình của cả nước (khoảng 46,4%).

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục dân tộc nội trú chưa đáp ứng yêu cầu. Đa số các trường

PTDINT cấp huyện được đầu tư xây dựng từ những năm 80, 90 của thế kỷ XX, nên đã xuống cấp trầm trọng; nhiều hạng mục phục vụ cho hoạt động giáo dục và nuôi dưỡng học sinh chưa được đầu tư như: phòng học bộ môn, thư viện, nhà tập đa năng, phòng y tế, công trình vệ sinh, nước sạch... Vì vậy, nhu cầu xây mới, bổ sung, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trường PTDINT của các tỉnh Tây Nguyên rất lớn, trong khi nguồn vốn chủ yếu bố trí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giáo dục đào tạo hàng năm rất hạn hẹp. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Việc thực hiện một số chính sách đặc thù về giáo dục, đào tạo ở vùng đồng bào DTTS chưa tốt, nhất là các chính sách như cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ mặc dù rất thiết thực nhưng triển khai kém, chất lượng đào tạo và sử dụng chưa cao⁽⁷⁾.

Việc triển khai một số chính sách có lúc, có nơi còn chậm trễ, thiếu đồng bộ, thực hiện chưa tốt; một số chính sách đối với giáo viên, nhân viên, học sinh vùng DTTS vẫn còn hạn chế, bất cập về đối tượng được hưởng, định mức, thời gian hưởng, phương thức hỗ trợ⁽⁸⁾... Hầu hết các địa phương vùng DTTS có tỷ lệ hộ nghèo cao, điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên mặc dù đã được ưu tiên, nhưng do nguồn lực ngân sách có hạn nên chưa đáp ứng được nhu cầu kinh phí đầu tư thực hiện các mục tiêu giáo dục và đào tạo; vẫn còn thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển giáo dục, đào tạo dân tộc vùng Tây Nguyên.

2. Một số giải pháp góp phần bảo đảm quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Để đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục dân tộc, bảo đảm quyền học tập của người DTTS ở Tây Nguyên góp phần thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách phát triển giáo dục dân tộc cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn

Tiếp tục thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hiện hành về phát triển giáo dục nói chung, các chính sách giáo dục đối với người DTTS ở Tây Nguyên nói riêng. Rà soát lại các chính sách hiện hành, trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo vùng DTTS giai đoạn mới cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, chú ý đến những chính sách đặc thù cho giáo dục dân tộc Tây Nguyên.

Hai là, rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục, đào tạo

Các địa phương trong vùng cần rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục. Trước mắt cần ưu tiên đầu tư xây dựng trường học mới cho các xã chưa có trường mầm non, khắc phục tình trạng trường học xuống cấp, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất các điểm trường lẻ để tăng quy mô huy động trẻ đến lớp. Cần phát triển hệ thống trường lớp mầm non đến tận cụm điểm dân cư để tăng tỷ lệ các cháu được đi học mẫu giáo trước khi vào học lớp 1, ưu tiên nguồn vốn để từng bước hoàn thiện mạng lưới các trường học phổ thông, bảo đảm đáp ứng nhu cầu đi học của học sinh trong độ tuổi. Quy hoạch giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học phải đảm bảo tính liên thông, gắn chặt với các chỉ số phân luồng giáo dục, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người DTTS và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ba là, xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. Quan tâm phát triển cả về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên là người DTTS ở các cấp học; làm tốt công tác cử tuyển; gắn đào tạo với sử dụng, bảo đảm đúng số lượng, cơ cấu, ngành nghề, trình độ, chức danh theo địa chỉ, xây dựng đội ngũ giáo viên là người DTTS đạt chuẩn. Ở cấp học mầm non, tiểu học có số lượng lớn học sinh DTTS theo học nên bố trí giáo viên đứng lớp là người DTTS, điều này là cần thiết bởi nhiều học sinh dân tộc vào lớp Một còn chưa nói thạo, thậm chí chưa nói được tiếng Việt. Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là các nhà giáo đang công tác tại vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.

Bốn là, đổi mới nội dung chương trình các cấp học và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo

Tiếp tục cải tiến phương pháp, nội dung, chương trình học và các bộ sách giáo khoa phù hợp với học sinh DTTS. Nội dung kiến thức trong sách giáo khoa cần được điều chỉnh theo hướng phù hợp với khả năng của học sinh DTTS, nhất là cấp tiểu học; tạo điều kiện cho các em học tiếng Việt từ cấp học mầm non nhằm khắc phục tình trạng học sinh tiểu học bỏ học do không tiếp thu được kiến thức. Từng bước đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh DTTS.

Năm là, nâng cao chất lượng đời sống mọi mặt cho đồng bào DTTS

Trong thời gian tới, các tỉnh Tây Nguyên đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng chính sách về dân tộc, miễn núi nói chung, Tây Nguyên nói riêng mang tính tập trung, giải quyết nhiều mục tiêu với nguồn lực đủ mạnh cho từng vùng. Nhà nước cần tích cực hỗ trợ cho đồng bào các DTTS phát triển kinh tế,

xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các vùng như: khuyến khích đầu tư vào vùng DTTS; hỗ trợ tạo điều kiện để phát triển kết cấu hạ tầng; ưu tiên giải quyết đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt; đào tạo nguồn nhân lực; giải quyết việc làm; thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho đồng bào DTTS quản lý để phát triển trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng hiệu quả; hỗ trợ phát triển sản xuất (kỹ thuật và vốn), kết nối thị trường tiêu thụ... để góp phần nâng cao chất lượng đời sống đồng bào DTTS Tây Nguyên □

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.8.

(2) Điển hình là Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum trong việc thực hiện Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg hỗ trợ tiền ăn cho học sinh trong các trường dân tộc bán trú; Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 26-1-2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông về chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên người DTTS tỉnh Đắk Nông; tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh ở các trường PTDTNT, bán trú, học sinh học tiếng Êđê, giáo viên dạy tiếng Êđê, thực hiện chính sách học bổng giáo khoa cho học sinh nghèo...

(3), (4), (6) Bộ Giáo dục và Đào Tạo: *Báo cáo tình hình phát triển giáo dục và đào tạo vùng Tây Nguyên năm 2017*.

(5) Quang Huy(2018): *Chú trọng dạy tiếng dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số*, daidoanket.vn.

(7) Chính sách cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng đang có những bất cập: học sinh cử tuyển được hưởng nhiều ưu đãi trong thời gian học tập và được phân công công tác (bổ trí việc làm) sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trong khi những học sinh DTTS khác sau khi tốt nghiệp trung học phổ

thông tự thi đỗ vào các trường cao đẳng, đại học công lập không được hưởng chế độ ưu đãi trong quá trình học tập và không được ưu tiên bố trí việc làm, điều đó dường như tạo ra sự không công bằng trong cùng đối tượng học sinh DTTS. Mặt khác, khi tiến hành cử tuyển, không có quy định điều kiện về chọn ngành học, mà để học sinh cử tuyển tự chọn ngành, nên các em chọn những ngành chưa thực sự cần thiết đối với địa phương hoặc những ngành hiện được đào tạo nhiều trong xã hội, nên sau khi tốt nghiệp khó bố trí việc làm. Bên cạnh đó, quy trình chọn học sinh cử tuyển chưa được tuân thủ nghiêm nên chất lượng (kiến thức) của sinh viên cử tuyển không bảo đảm dẫn đến kết quả tốt nghiệp của một số sinh viên cử tuyển thấp, đó là nguyên nhân nhiều cơ quan, đơn vị không muốn tuyển dụng sinh viên cử tuyển vào làm việc.

(8) Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29-5-2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường PTDTNT và các trường dự bị đại học dân tộc quy định: học sinh đang học tại các trường trên được hưởng học bổng chính sách bằng 80% mức lương cơ sở của nhà nước và được hưởng 12 tháng trong năm. Với mức trợ cấp như vậy là thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu về ăn ở và sinh hoạt của học sinh hiện nay. Học sinh lưu ban chỉ được hưởng 50% suất học bổng, quy định này có tác dụng trong việc khuyến khích học sinh chăm chỉ và tập trung học tập để đạt được kết quả học tập cao, song đối với học sinh nội trú nhà nghèo khi lưu ban, nếu được hưởng 50% học bổng thì cuộc sống sẽ khó khăn dễ dẫn đến bỏ học giữa chừng. Đối với trường PTDTBT: với mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18-7-2016 của Chính phủ quy định chính sách mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm/học sinh là quá thấp.